

Số: 66 /2017/QĐ-UBND

Long An, ngày 06 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ
trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ;

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ;

Theo đề nghị của Giám Đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3487/TTr-SXD ngày 21/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/12/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- BTV.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT2;
- Lưu. VT, SXD.thy

QUAN LY NHA CONG VU

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Trần Văn Cẩn

QUY ĐỊNH

Về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Long An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2017/QĐ UBND ngày 06/ 12 / 2017
của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ để phục vụ nhu cầu về nhà ở cho cán bộ, công chức trong thời gian công tác trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- a) Người thuộc diện và có đủ điều kiện được thuê nhà ở công vụ theo quy định;
- b) Cơ quan quản lý Nhà nước về nhà ở các cấp;
- c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

2. Đối với đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện theo quy định, chính sách nhà ở công vụ riêng thuộc Quốc phòng và Công an quản lý, không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

Việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (viết tắt là Nghị định số 99/2015/NĐ-CP) và Điều 6 Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ (viết tắt là Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg).

Điều 4. Cơ quan quản lý, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ

1. Cơ quan quản lý nhà ở công vụ

- a) UBND tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý quỹ nhà ở công vụ thuộc tỉnh quản lý (trừ nhà ở công vụ thuộc Quốc phòng, Công an);
- b) UBND tỉnh giao UBND huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp

huyện) quản lý quỹ nhà ở công vụ trên địa bàn cấp huyện.

2. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ

a) Đối với nhà ở công vụ tỉnh: Ban Quản lý nhà ở công vụ tỉnh là bộ phận trực thuộc Sở Xây dựng trực tiếp tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành nhà ở công vụ tỉnh;

b) Đối với nhà ở công vụ cấp huyện: Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành nhà ở công vụ huyện;

c) Đối với nhà ở công vụ dành cho giáo viên, bác sỹ, nhân viên y tế (nằm trong khuôn viên hoặc nằm kề khuôn viên trường học, cơ sở y tế): Trường học, cơ sở y tế là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành nhà ở công vụ.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐƯỢC THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 5. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ

Đối tượng được thuê nhà ở công vụ là những đối tượng có đủ điều kiện thuê nhà ở công vụ để ở trong thời gian công tác tại tỉnh Long An, bao gồm:

1. Cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thuộc diện được ở nhà ở công vụ trong thời gian đảm nhận chức vụ.

2. Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại Khoản 1 Điều này được điều động, luân chuyển đến công tác tại tỉnh Long An giữ chức vụ từ Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc Sở hoặc chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh theo quy định, tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3. Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều này được điều động, luân chuyển đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.

4. Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.

5. Bác sỹ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.

6. Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 6. Điều kiện được thuê nhà ở công vụ

1. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này được bố trí nhà ở công vụ theo yêu cầu về an ninh.

2. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3. Đối với các đối tượng được thuê nhà ở công vụ tại Khoản 3, 4, 5 Điều 5 của Quy định này ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, còn phải đảm bảo điều kiện sau: Trường hợp cử đến công tác tại khu vực nông thôn vùng đồng bằng thì phải ngoài địa bàn cấp huyện và cách nơi ở của mình đến nơi công tác từ 30 km trở lên; trường hợp đến công tác tại khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới thì phải cách xa từ nơi ở của mình đến nơi công tác tối thiểu là 10 km.

4. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ tại Khoản 6 Điều 5 của Quy định này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 49 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Tiêu chuẩn được thuê nhà ở công vụ

Căn cứ vào chức vụ, cấp bậc, ngạch công chức khi được điều động, luân chuyển công tác, cán bộ, công chức đủ điều kiện thuê nhà ở công vụ sẽ được thuê diện tích sử dụng nhà ở công vụ theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 2 và Điều 4 của Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 8. Quy định về quản lý sử dụng nhà ở công vụ

Việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ (viết tắt là Thông tư 09/2015/TT-BXD).

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ theo quy định tại các Điểm (a, b, g, h, i, k, l, n) Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BXD;

b) Hướng dẫn đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ thực hiện việc

ký hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà ở công vụ cho người được thuê; thanh lý hợp đồng;

c) Tổng hợp danh sách và trình UBND tỉnh quyết định người được thuê nhà ở công vụ;

d) Trình UBND tỉnh phê duyệt khung giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh và giá cho thuê nhà ở công vụ tỉnh;

đ) Báo cáo UBND tỉnh quyết định việc cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ;

e) Lập kế hoạch bảo trì, cải tạo hoặc xây dựng lại nhà ở công vụ để trình UBND tỉnh phê duyệt;

g) Theo dõi, tổng hợp báo cáo của UBND cấp huyện; thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và một năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất cho UBND tỉnh về tình hình quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ theo quy định;

h) Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình quản lý sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh, theo định kỳ hằng năm (trước ngày 31 tháng 12).

2. UBND cấp huyện

a) Thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ theo quy định tại các Điểm (a, b, g, h, i, k, l, n) Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BXD;

b) Được UBND tỉnh ủy quyền quyết định người thuê nhà ở công vụ;

c) Hướng dẫn đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ thực hiện việc ký hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà ở công vụ cho người được thuê; thanh lý hợp đồng;

d) Được UBND tỉnh ủy quyền quyết định thu hồi nhà ở công vụ;

đ) Báo cáo UBND tỉnh quyết định việc cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ;

e) Được UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì, cải tạo hoặc xây dựng lại nhà ở công vụ;

g) Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 30 tháng 5) và một năm (trước ngày 30 tháng 11) hoặc báo cáo đột xuất cho Sở Xây dựng, UBND tỉnh về tình hình quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 5 và Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BXD.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2015/TT-BXD.

2. Trực tiếp ký hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà ở công vụ cho người

được thuê; thanh lý hợp đồng; thu tiền thuê nhà hàng tháng theo quy định.

3. Lập kế hoạch đánh giá chất lượng và cải tạo, sửa chữa định kỳ nhà ở công vụ theo quy định về đầu tư, xây dựng hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 30 tháng 5) và một năm (trước ngày 30 tháng 11) hoặc báo cáo đột xuất cho UBND cấp huyện, Sở Xây dựng về tình hình quản lý vận hành, bảo trì và quản lý cho thuê nhà ở công vụ theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 5 và Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BXD.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ; cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Nhà ở năm 2014.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2015/TT-BXD.

Điều 12. Quy trình thực hiện việc thuê nhà ở công vụ

Quy trình thực hiện việc thuê nhà ở công vụ đối với các đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy định này thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 09/2015/TT-BXD.

Điều 13. Thu hồi nhà ở công vụ; trình tự, thủ tục thu hồi và cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ

Thu hồi nhà ở công vụ; trình tự, thủ tục thu hồi và cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 09/2015/TT-BXD.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy định này, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Trần Văn Cần